

Số: 72/BC-UBND

Lê Hồng, ngày 14 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I,
phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024**
(Số liệu tính từ ngày 10/12/2023 đến ngày 09/3/2024)

Thực hiện Công văn số 508/UBND-VP ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Lê Hồng báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I, phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo điều hành

- Năm 2024, công tác cải cách hành chính tiếp tục được cấp ủy Đảng, chính quyền xã Lê Hồng quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt và toàn diện. UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch cải cách hành chính, phân công trách nhiệm, quy định mối quan hệ phối hợp của bộ phận nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện. Trên cơ sở đó, UBND xã đã xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể như sau:

+ Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 29/12/2024 về cải cách hành chính nhà nước xã Lê Hồng năm 2024

+ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2024 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024;

+ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 05/02/2024 tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2024;

+ Quyết định số 08/KH-UBND ngày 05/02/2024 Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng;

+ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 22/02/2024 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2024;

+ Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 29/12/2023 Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2024;

+ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 Công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng

cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật xã Lê Hồng giai đoạn 2021-2025, năm 2024;

+ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 16/01/2024 thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024;

+ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 29/01/2024 Công tác pháp chế trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2024

+ Kế hoạch số 26/KH-BCĐ ngày 29/01/2024 Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã năm 2024

+ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 29/01/2024 Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2024

+ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2024 Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng

+ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 16/02/2024 thực hiện công tác cải cách tư pháp năm 2024

+ Công văn số 37/UBND-TP ngày 16/02/2024 V/v phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua, Chỉ Thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL dịp Tết Giáp Thìn 2024

+ Công văn số 62/UBND-TP ngày 07/3/2024 V/v triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2024

+ Công văn số 61/UBND-TP ngày 07/3/2024 V/v thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường Nhà nước năm 2024

+ Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 13/3/2024 Triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng

+ Công văn số 67/UBND-TP ngày 12/03/2024 V/v hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

+ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí xã Lê Hồng năm 2024

+ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công tại trụ sở UBND xã Lê Hồng

+ Thông báo số 05/TB-UBND ngày 05/01/2024 Về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Thông báo số 350/TB-UBND ngày 22/12/2023 Về việc công khai danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở VH&TT&DL

+ Thông báo số 348/TB-UBND ngày 21/12/2023 Về việc công bố danh mục TTHC tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương

+ Báo cáo số 344/BC-UBND ngày 15/12/2023 Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 (Số liệu tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/12/2023)

+ Báo cáo số 342/BC-UBND ngày 15/12/2023 về công tác KSTTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2023 trên địa bàn xã Lê Hồng

+ Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 11/12/2023 kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa xã Lê Hồng năm 2023

Ngoài ra, UBND xã triển khai, chỉ đạo trực tiếp công tác cải cách hành chính tại các hội nghị, cuộc họp hàng tháng của UBND xã.

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 29/12/2024 về cải cách hành chính nhà nước xã Lê Hồng năm 2024. Trong đó phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch như: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội để không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác cải cách hành chính.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo kế hoạch có 07 nội dung liên quan CCHC với 30 nhiệm vụ (với 39 hoạt động cụ thể). Tính đến thời điểm 09/3/2024 có 18/30 nhiệm vụ đã hoàn thành = 60% kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời nhắc nhở việc triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn xã thông qua các cuộc họp hàng tháng của UBND xã hoặc nhắc nhở cán bộ, công chức chuyên môn trực tiếp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ngày 05/02/2024, UBND xã ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 05/02/2024 tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2024. Xác định các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tuyên truyền hướng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã dưới nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn và từng nhóm đối tượng.

- Đài truyền thanh tiếp tục duy trì phát sóng thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức

cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn. Thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử xã; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, sử dụng có hiệu quả tiện ích của các mạng xã hội có nhiều người sử dụng (Zalo, Facebook,...) để tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin chính sách, quy định mới và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

- Thường xuyên phát tin bài trên hệ thống đài truyền thanh các tin bài, chuyên mục liên quan đến CCHC, trong đó chuyên mục phổ biến kiến thức pháp luật được phát đều đặn hàng tuần để người dân nắm được như thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử, đất đai, thừa kế. Trên cổng TTĐT của xã có chuyên trang về các văn bản trong đó cập nhật đầy đủ các văn bản của Trung ương, của tỉnh, huyện, xã.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao:

UBND xã triển khai và chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn tham mưu thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ nhiệm vụ trong các văn bản, Kế hoạch của UBND huyện và chủ tịch UBND huyện giao. Trong đó, hoàn thành 18 nhiệm vụ, 12 nhiệm vụ đang thực hiện.

6. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC:

UBND xã luôn chỉ đạo cán bộ, công chức UBND xã tích cực nghiên cứu, tìm hiểu đưa ra những sáng kiến, sáng tạo mới trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bên cạnh đó, phối hợp với các đoàn thể, đơn vị, nhất là đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ, hướng dẫn nhân dân thực hiện trình tự các bước nộp hồ sơ trực tuyến khi thực hiện các TTHC trực tuyến tại bộ phận một cửa của UBND xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Việc ban hành các văn bản của HĐND, UBND xã được triển khai theo đúng quy định từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 09/3/2024, HĐND và UBND xã đã ban hành 109 văn bản các loại, không có văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật và thực hiện ngày càng nề nếp theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 29/01/2024 Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2024

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 29/01/2024 Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng: Tuyên truyền ổn định an ninh trật tự trên địa bàn, tuyên

truyền phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch bệnh...

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 Công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật xã Lê Hồng giai đoạn 2021-2025, năm 2024. Đến nay, chưa phát hiện có văn bản trái với quy định của pháp luật, một số văn bản chủ yếu sai về thể thức, kỹ thuật trình bày nên đã đề nghị tự sửa đổi cho đúng theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa của xã.

a. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 08/KH-UBND ngày 05/02/2024 Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng; thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo nội dung kế hoạch đã đề ra; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với các bộ phận, đơn vị trong việc xây dựng văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát việc thực hiện công bố thủ tục hành chính; rà soát các quy định hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo.

- Trong 3 tháng đầu năm 2024, UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị nào của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

b. Về công bố, công khai thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố gồm 139 thủ tục; trong đó TTHC được công khai: 139 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã: 139 thủ tục;

- Bộ phận Một cửa xã thực hiện công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính và kịp thời niêm yết các thủ tục hành chính khi có sửa đổi, bổ sung của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí tại Bộ phận Một cửa xã và trên Trang thông tin điện tử xã giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu.

c. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Duy trì thực hiện Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định:

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận từ 10/12/2023 đến 09/3/2024 là: 272, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 270 (trực tuyến: 264 = 97,8%; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 6=2,2%); số từ kỳ trước chuyển qua: 02.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 265; trong đó, giải quyết trước hạn: 265=100%, đúng hạn: 0, quá hạn:0

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 07; trong đó, trong hạn: 07, quá hạn:0.

- Số hóa hồ sơ TTHC đạt 100%.

- Thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt 100%.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại xã được đầu tư cơ bản và hiện đại đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Tháng 01/2024, UBND xã đã tiến hành cải tạo, nâng cấp, thay mới một số trang thiết bị tại phòng làm việc của Bộ phận Một cửa của xã, đáp ứng yêu cầu đổi mới, đảm bảo tốt mọi hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Việc thực hiện các quy định về sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính ở xã, thôn: UBND xã thực hiện nghiêm các quy định của trung ương, của tỉnh, của huyện về việc đề nghị sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính cấp xã. Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức được giao là 20 đ/c, hiện tại có là 19 đ/c = 95%. Trình độ chuyên môn: Có 02/19 đ/c = 11% CBCC có trình độ thạc sỹ; 17/17 đ/c = 89% CBCC có trình độ Đại học; về lý luận chính trị có 16/19 đ/c = 84% có trình độ trung cấp; 3/19 đ/c = 16% có trình độ sơ cấp. Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện tại có 10 người đảm nhận 18 chức danh theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Việc ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho CBCC UBND xã: UBND xã duy trì nghiêm quy chế làm việc, trong quy chế quy định rõ vai trò trách nhiệm của tập thể, cá nhân của mỗi cán bộ, công chức UBND xã; quy định về mối quan hệ công tác của UBND xã với các cơ quan, đơn vị; chế độ hội họp của UBND xã; công tác quản lý văn bản của cơ quan, đơn vị.

- Thường xuyên ban hành các quyết định phân công nhiệm vụ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên UBND, công chức UBND xã khi có sự thay đổi về nhân sự và phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ địa phương.

- Việc thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền: Ngày 13/3/2024, UBND xã xây dựng Kế hoạch số 68/KH-UBND về Triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2024 trên địa bàn xã Lê Hồng, nội dung kế hoạch cụ thể, thiết thực, phù hợp với tình hình của xã; qua đó đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, đồng thời phát huy tính dân chủ trong nhân dân.

- Thực hiện quy định về phân cấp, quản lý: Thực hiện tốt việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ

nhệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND xã duy trì nghiêm túc quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo, công chức UBND xã đảm bảo phù hợp và thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương.

- Hiện nay, việc sắp xếp, bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng số lượng theo quy định của pháp luật. Tính đến nay, tổng số cán bộ, công chức xã được giao 20 người, hiện có 19 người, thiếu 01 biên chế, trong đó: cán bộ có 10 người, công chức 09 người. Số lượng cán bộ đạt chuẩn có 08/10 người, đạt 80%; Số lượng công chức đạt chuẩn 8/9 người, đạt 89%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được chuẩn hóa về mặt chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào phần mềm quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương: Cán bộ, công chức xã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có ai vi phạm bị xử lý kỷ luật

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: UBND xã ban hành Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 15/12/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024. Hiện nay xã có 07 đồng chí cán bộ đang theo học lớp đào tạo về chuyên môn, 03 đ/c đang học lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị. Ngoài ra, UBND xã thường xuyên quan tâm tạo điều kiện cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ khi cấp trên tổ chức.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đã tăng tính công khai minh bạch, công khai, dân chủ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác; tiết kiệm được kinh phí để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, đồng thời giúp UBND xã chủ động hơn trong sử dụng kinh phí, đáp ứng kịp thời những yêu cầu của công tác chuyên môn.

- Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2024 của xã theo đúng quy định.

- Việc rà soát xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị: UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc sử dụng

biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 29/12/2023 Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã Lê Hồng năm 2024; triển khai thực hiện và từng bước nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ điều hành tác nghiệp tại UBND xã và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cán bộ, công chức và đã có sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh sử dụng văn bản điện tử.

- Tình hình sử dụng phần mềm dùng chung:

+ Chữ ký số: UBND xã thực hiện chữ ký số 100%; công chức Văn phòng HĐND-UBND xã làm đầu mối quản lý việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại UBND. Việc quản lý và sử dụng Chữ ký số được thực hiện theo Thông tư số 85/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện thường (đạt 100%, trừ văn bản mật) được ban hành qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.

+ Cổng thông tin điện tử của xã: hoạt động tốt, cung cấp tin bài thường xuyên, kịp thời và có sự tham gia của các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã; đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

+ Tình hình thực hiện ISO 9001:2015: Duy trì áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã.

+ Về họp trực tuyến: UBND xã đã triển khai hình thức họp trực tuyến để tiết kiệm thời gian và chi phí, ứng dụng này đã phát huy hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo xã chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính, trọng tâm đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều được quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết đều được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã; trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Ban biên tập trang thông tin điện tử xã cập nhật nhiều tin bài về cải cách hành chính để người dân, tổ chức có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đều đạt ở mức cao, 100% hồ sơ của tổ chức, công dân khi hoàn thành được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng trực tuyến tại hệ thống Dịch vụ công; 100% hồ sơ đạt mức “hài lòng” và “rất hài lòng”.

- Đội ngũ CBCC được quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, các chế độ chính sách, được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

2. Hạn chế

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong việc trao đổi văn bản quản lý nhà nước chưa cao.

- Việc thực hiện TTHC trên DVC và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến do người dân không thực hiện thường xuyên nên hay quên cách thức thực hiện, công chức mất nhiều thời gian để hướng dẫn, hướng dẫn lại.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính nhìn chung còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Một số cán bộ công chức thường xuyên trao đổi trực tiếp văn bản, nên việc sử dụng hòm thư công vụ tỷ lệ chưa cao.

- Do trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của một số người dân trên địa bàn xã còn hạn chế (trình độ, thiết bị, mạng internet) do đó chưa được tiếp cận thường xuyên với việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nên không nắm được cách thực, quy trình thực hiện.

- Vì nguồn thu của ngân sách địa phương còn thấp, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn cân đối ngân sách từ nguồn ngân sách cấp trên, chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây có khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính. Chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

- Chú trọng trong việc tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của CP về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan chuyên môn. Triển khai thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại UBND xã.

- Tiếp tục ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến chỉ đạo của UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về cải cách hành chính để nâng cao kỹ năng thực hiện cải cách hành chính; thường xuyên mở lớp tập huấn cho công chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Bổ sung thêm cơ sở vật chất, các trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin cho Bộ phận một cửa xã để đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024 của UBND xã Lê Hồng./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công chức xã có liên quan;
- Lưu: NV, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Tiến

PHỤ LỤC

Thông kê số liệu về kết quả thực hiện công tác CHCC quý I năm 2024
(Kèm theo Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 14/3/2024)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	26	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	60	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Phòng, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	58	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	50	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	02	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	02	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	139	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	42	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	05	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	265	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	265	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số công chức xã) bị kỷ luật	Người		
4.5.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	3 tỷ đồng	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).		100	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	64	

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	64	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	16	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	46	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	46	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	09	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	112	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	112	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	0	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	272	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	264	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	32	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	24	